

Bản án số: 346/2022/DS-PT

Ngày: 29-6-2022

V/v: “*Bồi thường thiệt hại  
ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền

*Các Thẩm phán:*

1/ Bà Phan Thị Hằng

2/ Bà Nguyễn Thị Lan Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 và 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, về “*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1710/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 6349/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Tổ Đình LT**

Địa chỉ: K2/3B Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tuấn L**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 81 đường N1, Phường 6, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh  
(Theo Văn bản ủy quyền số 18/2018-CV ngày 02/01/2019).

**2. Bị đơn:**

**2.1. Ủy ban nhân dân thành phố T (đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ủy ban nhân dân Quận X)**

Địa chỉ: 168 Đường N2, phường Y1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ủy ban nhân dân thành phố T:* Ông **Nguyễn An K** – Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 3 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (có mặt)

Địa chỉ: 168 Đường N2, phường Y1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 7679/GUQ-UBND ngày 13/12/2021).

**2.2 Công ty cổ phần Xi măng V**

Địa chỉ trụ sở: 360 Đường N3, phường Y2, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V:* Ông **Lê Nhật B** và ông **Trương Quốc B1**. (có mặt)

Địa chỉ: 360 Đường N3, phường Y2, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 1479/UQ-HT1 ngày 26/5/2022).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V:* Ông **Hoàng Văn H** – Luật sư của Công ty Luật TNHH Hãng luật Đại Huy Hoàng, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (Đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X).**

Địa chỉ: 164 Đường N2, phường Y1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T:* Bà **Lê Thanh S** – Phó Trưởng phòng Kế toán tài vụ của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (có mặt)

Địa chỉ: 164 Đường N2, phường Y1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số: 474/BBT ngày 06/5/2021).

**4. Người kháng cáo: Bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 của nguyên đơn – Tổ Đình LT, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn L trình bày:

Nguyên trước đây Tổ Đình LT có phần đất diện tích 35.685m<sup>2</sup> thuộc địa bộ số 84, 85 số địa bộ mới 185 tờ bản đồ số 12 (tài liệu cũ), theo tài liệu 02/CT-UB thuộc các thửa 272, 273, 274, 275, 276, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại phường Phú Hữu, Quận X nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần đất nêu trên đã bị giải tỏa để giao cho chủ đầu tư là Công ty Xi măng V (nay đổi thành Công ty cổ phần Xi măng V) gọi tắt là Công ty Xi măng V. Công ty cổ phần Xi măng V có nghĩa vụ thanh toán tiền đền bù cho đối tượng có đất bị đền bù giải tỏa.

Thế nhưng vào ngày 10/3/2004, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành các Quyết định sau:

- Quyết định số 167/QĐ-UB-BBT do UBND Quận X (cũ) ban hành ngày 10/3/2004, Quyết định số 256/QĐ-UBND do UBND Quận X (cũ) ban hành ngày 15/9/2015 sửa đổi Quyết định 167, ghi nhận số tiền đền bù là 2.586.800.000 đồng.

- Quyết định số 210/QĐ-UB-BBT do Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành ngày 19/03/2004, Quyết định số 257/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành ngày 15/09/2015 sửa đổi Quyết định 210/QĐ-UB-BBT ghi nhận số tiền đền bù là 2.690.000.000 đồng.

Tổng số tiền đền bù ghi nhận là 5.276.800.000 đồng. Các quyết định nêu trên đều ghi nhận người được chi trả tiền, nhận tiền đền bù là ông Nguyễn Thành C, không phải là Tổ Đình LT. Vì vậy, Tổ Đình LT đã tiến hành khởi kiện tranh chấp về quyền được nhận số tiền đền bù nêu trên.

Vào ngày 21/7/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án hành chính số 642/2017/HC-PT theo đó chấp nhận yêu cầu của Tổ Đình LT, buộc Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) hủy một phần các Quyết định số 256 và 257 và điều chỉnh tổ chức được nhận số tiền đền bù là Tổ Đình LT.

Vào ngày 17/11/2017, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND điều chỉnh các Quyết định số 256, 257. Ghi nhận lại tổ chức được nhận tiền đền bù là Tổ Đình LT.

Sau khi có bản án, Tổ Đình LT đã nhiều lần yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), Công ty cổ phần Xi măng V phải chi trả tổng số tiền bồi thường và tiền lãi suất phát sinh như sau:

- Từ ngày 11/3/2004, đối với số tiền 2.586.800.000 đồng và một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

- Từ ngày 19/3/2004, đối với số tiền 2.690.000.000 đồng và một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Đến ngày 07/12/2018, Tổ Đình LT đã nhận được số tiền từ Công ty cổ phần Xi măng V chi trả là 7.028.763.025 đồng.

Như vậy:

- Từ 10/3/2004 đến ngày 07/12/2018 là khoảng thời gian Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), Công ty cổ phần Xi măng V chậm trả số tiền 2.586.800.000 đồng nên phải chịu thêm mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật thuế và lãi suất chi trả cho Tổ Đình LT.

- Từ 19/3/2004 đến ngày 07/12/2018 là khoảng thời gian Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), Công ty cổ phần Xi măng V chậm trả số tiền 2.690.000.000 đồng nên phải chịu thêm mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật thuế và lãi suất chi trả cho Tổ Đình LT.

Tính đến ngày 07/12/2018, tổng cộng số tiền bồi thường và tiền lãi, tiền chậm nộp theo quy định của Luật thuế mà Công ty cổ phần Xi măng V phải trả cho Tổ Đình LT là 14.173.484.800 đồng. Công ty cổ phần Xi măng V đã chi trả số tiền 7.028.764.000 đồng.

Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), Công ty cổ phần Xi măng V còn có nghĩa vụ thanh toán cho Tổ Đình LT số tiền là: 7.144.721.000 đồng.

Cũng trong quyết định bồi thường các phần đất bị thu hồi nêu trên, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) đã ban hành Quyết định số 354/QĐ-UB.BBT ngày 21/4/2004 bồi thường số tiền là 648.500.000 đồng nhưng người nhận không phải là Tổ Đình LT, sau đó Quyết định này được thay đổi bằng Quyết định số 248/QĐ-QĐ-UBND ngày 14/9/2015. Sau khi có Bản án hành chính phúc thẩm số 641/2017/HC-PT ngày 21/7/2017, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 đã hủy bỏ một phần Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 và yêu cầu chi trả cho Tổ Đình LT.

Từ Quyết định số 354/QĐ-UB.BBT với số tiền bồi thường là 648.500.000 đồng đến khi có Quyết định số 362/QĐ-UBND đồng ý bồi thường cho Tổ Đình LT. Đến ngày 30/7/2018, Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) đã chi trả tổng cộng cho Quyết định này với số tiền là 1.509.760.623 đồng, tức là gấp gần 2,5 lần số tiền bồi thường ban đầu theo quy định pháp luật. Số tiền này Ban bồi thường đã chi trả đúng theo quy định pháp luật về bồi thường, không phải trả theo lãi suất không kỳ hạn như Công ty cổ phần Xi măng V đã trả cho Tổ Đình LT. Như vậy, nguyên đơn khẳng định Công ty cổ phần Xi măng V đã chi trả không đầy đủ số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả của Công ty cổ phần Xi măng V.

Vì vậy, Tổ Đình LT yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) và Công ty cổ phần Xi măng V phải liên đới trả cho Tổ Đình LT 7.144.721.000 đồng là số tiền Tổ Đình LT được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả và lãi suất.

Tuy nhiên, phía nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện như trong Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ghi ngày 01/10/2019 gửi Tòa án nhân dân Quận X nay là Tòa án nhân dân thành phố T, cụ thể:

+ Rút thời gian từ ngày 11/3/2004 đến ngày 30/11/2007, chỉ yêu cầu tính thời gian từ ngày 01/12/2007 đến ngày 06/12/2018 là khoảng thời gian Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), Công ty cổ phần Xi măng V chậm trả số tiền 2.586.800.000 đồng nên phải chịu thêm mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và lãi suất chi trả cho Tổ Đình LT.

+ Rút thời gian từ ngày 19/3/2004 đến ngày 30/11/2007, chỉ yêu cầu tính thời

gian từ ngày 01/12/2007 đến ngày 06/12/2018 là khoảng thời gian Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), Công ty cổ phần Xi măng V chậm trả số tiền 2.690.000.000 đồng nên phải chịu thêm mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và lãi suất chi trả cho Tổ Đình LT.

Tổng cộng, số tiền Tổ Đình LT yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) và Công ty cổ phần Xi măng V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Tổ Đình LT là 4.831.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2020, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn là Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) và Công ty cổ phần Xi măng V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Tổ Đình LT là 3.831.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại thời gian yêu cầu tính thiệt hại xảy ra là từ ngày 01/4/2008 đến ngày 06/12/2018 và áp dụng lãi suất chi trả là lãi suất bậc thang, hết thời gian áp dụng lãi suất bậc thang thì áp dụng lãi suất tiết kiệm năm của Ngân hàng B – Chi nhánh 9 theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với số tiền được nhận bồi thường là 5.276.800.000 (gồm 2.586.800.000 đồng + 2.690.000.000 đồng). Không yêu cầu tính thiệt hại từ ngày 16/7/2004 đến ngày 31/3/2008 và không yêu cầu bồi thường tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế. Vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T (Quận X cũ) và Công ty cổ phần Xi măng V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Tổ Đình LT là: 3.831.000.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn không yêu cầu xem xét đối với số tiền đền bù là 2.586.800.000 đồng và 2.690.000.000 đồng được nhận theo Quyết định số 358/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ngày 17/11/2017 sửa đổi Quyết định số 256, 257 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ).

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ủy ban nhân dân Quận X nay là Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày như sau:*

Tổ Đình LT bị thu hồi 35.685m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa 286, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 272, 273, 274, 275, 276, 283, 284, 285, 287, 1 phần thửa 277, 282 và một phần biên 573m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 8 tài liệu 02/CT-UB trong dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam và 4.115m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa 295, 296, 297, 298 và một phần thửa 294 tờ bản đồ 08 tài liệu 02/CT-UB trong dự án đầu tư xây dựng Cơ sở cơ khí 2 và Xí nghiệp khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ).

Việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ:

- Ngày 10 tháng 3 năm 2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT về việc công bố giá trị đền bù của hộ ông (bà) Nguyễn Thành C cư ngụ: 164 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình nằm trong dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ) với số tiền 2.586.800.000 đồng.

- Ngày 19 tháng 3 năm 2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT về việc công bố giá trị đền bù của hộ ông (bà) Nguyễn Văn D1 cư ngụ: 118 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình nằm trong dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ) với số tiền 2.690.000.000 đồng.

- Ngày 21 tháng 4 năm 2004, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 354/QĐ-UB.BBT về việc công bố giá trị đền bù của Chùa Long Thiền Tự cư ngụ: Tổ 8, Tân Điền B, phường Phú Hữu, Quận X (cũ) nằm trong dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất Xi măng khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ) với số tiền 648.500.000 đồng. Ngày 10/9/2004, Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) đã gửi số tiền trên vào Ngân hàng B theo phương án số 22598/PABT-BĐATHVN ngày 08/12/2003.

Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ:

- Ngày 30 tháng 8 năm 2013, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 4596/UBND-PCNC gửi Tổ Đình LT và ông Nguyễn Thành C có nội dung: "...Giữa Tổ Đình LT với ông Nguyễn Thành C có tranh chấp về số tiền bồi thường đối với phần đất thuộc dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ) việc tranh chấp này thuộc tranh chấp dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án".

- Ngày 31 tháng 8 năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 612/UBND-PCNC về việc giải quyết kiến nghị liên quan đến Tổ Đình LT, phường Phú Hữu, Quận X (cũ). Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến chỉ đạo như sau: "...Giao Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), Ban Bồi thường - giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) thực hiện việc chi tiền trả tiền bồi thường và lãi suất phát sinh (nếu có) cho Tổ Đình LT do ông Thích Huệ X – thế danh Thích Thành Ca, Trưởng Tông Phong, Viện chủ Tổ Đình LT, là người đại diện khai nhận theo quy định pháp luật..."

- Ngày 14 tháng 9 năm 2015, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 354/QĐ-UB.BBT ngày 21/4/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có nội dung như sau: "Nay, điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 354/QĐ-UB.BBT ngày 21/9/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) từ "Chùa Long Thiền Tự" thành "Tổ Đình LT do ông Thích Huệ X – thế danh Nguyễn Thành C là người đại diện theo quy định pháp luật", địa chỉ: 164 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh".

- Ngày 15 tháng 9 năm 2015, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 256/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT ngày 10/3/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có nội dung như sau: "Nay, điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT ngày 10/3/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) từ "ông Nguyễn Thành Ca" thành "Tổ Đình LT do ông Thích Huệ X – thế danh Nguyễn Thành C là người đại diện theo quy định pháp luật", địa chỉ: 164 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh".

- Ngày 15 tháng 9 năm 2015, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT ngày 19/3/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có nội dung như sau: “Nay, điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT ngày 19/3/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) từ “ông Nguyễn Văn Dũng” thành “Tổ Đình LT do ông Thích Huệ X – thế danh Nguyễn Thành C là người đại diện theo quy định pháp luật”, địa chỉ: 164 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Phát sinh tranh chấp và kết quả giải quyết:

- Ngày 15 tháng 10 năm 2015, Tòa án nhân dân Quận X (cũ) có Quyết định số 379/2015/QĐ-BPKCTT về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nội dung: “Buộc Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận X không được chi trả số tiền bồi thường là 5.276.800.000 đồng đối với phần đất bị thu hồi trong dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ) thuộc các thửa 272, 273, 274, 275, 276, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298 tờ bản đồ 8 (tài liệu 02/CT-UB) phường Phú Hữu, Quận X (cũ) cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác cho đến khi có Quyết định hoặc Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.”

- Ngày 26 tháng 12 năm 2016, Tòa án nhân dân Quận X (cũ) ban hành Bản án số 29/2016/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai có nội dung như sau:

“- Hủy bỏ một phần Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 15/9/2015, về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT ngày 10/3/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), về việc công bố giá trị đền bù trong dự án xây dựng trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh”.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 15/9/2015, về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT ngày 19/3/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), về việc công bố giá trị đền bù trong dự án xây dựng trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), về việc điều chỉnh tên chủ sử dụng tại Quyết định số 354/QĐ-UB.BBT ngày 21/4/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), về việc công bố giá trị đền bù trong dự án Đầu tư xây cơ sở sản xuất Xi nghiệp cơ khí 2 và xi nghiệp khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành Điều 1 các Quyết định này cho đúng với các quy định của pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu hủy một phần Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT ngày 10/3/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), về việc công bố giá trị đền bù trong dự án xây dựng trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đình chỉ yêu cầu hủy một phần Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT ngày 19/3/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), về việc công bố giá trị đền bù trong dự án xây dựng trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh”.

Sau khi Tòa án nhân dân Quận X (cũ) ban hành Bản án hành chính số 29/2016/HC-ST ông Nguyễn Thành C là người có quyền lợi liên quan không đồng ý với bản án sơ thẩm nên nộp đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án hành chính số 641/2017/HC-PT về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, trong đó đã tuyên: “Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành C, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2016/HC-ST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân Quận X (cũ). Buộc Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành quyết định điều chỉnh Điều 1 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 15/9/2015, Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 và Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) cho đúng với các quy định của pháp luật”

Sau khi nhận được Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ban hành quyết định điều chỉnh chủ thể đứng tên hồ sơ bồi thường từ “ông Nguyễn Thành C làm đại diện” thành “Tổ Đình LT” tại Quyết định số 358/QĐ-UBND và Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017.

Tổ chức thực hiện Bản án phúc thẩm:

- Ngày 27 tháng 8 năm 2017, ông Nguyễn Thành C có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) xin tạm hoãn thi hành án dân sự do đang kiến nghị xem xét lại theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án số 641/2017/HC-PT ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 16 tháng 11 năm 2017, Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) có thư mời ông Nguyễn Thành C tiếp xúc làm việc với nội dung: “Trao đổi về nội dung đơn xin tạm hoãn thi hành án dân sự ngày 27/8/2017 của ông Nguyễn Thành C”. Nhưng ông Ca không đến đến dự.

- Ngày 29 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có Công văn số 329/UBND-BBT gửi Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc thụ lý kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án số 641/2017/HC-PT ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 29 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có Công văn số 327/UBND-BBT gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải quyết đơn kiến nghị của Tổ Đình LT, xin nhận tiền bồi thường theo Bản án số 641/2017/HC-PT ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về xác định tư cách pháp nhân để nhận tiền bồi thường:

- Ngày 01 tháng 02 năm 2018, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có Công văn số 415/UBND-BBT gửi Văn phòng 2 Ban trị sự Hội đồng trị sự giáo hội Phật



giáo Việt Nam về việc người đại diện của Tổ Đình LT để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đầu tư xây dựng Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam và dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất Xí nghiệp cơ khí 2 và xí nghiệp khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ).

- Ngày 29 tháng 3 năm 2018, Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam có Công văn số 097/CV.HĐTS gửi Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) về việc xác định người đại diện chùa Long Thiên phúc đáp nội dung như sau:

“- Cơ sở Tư viện là Giáo sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trụ trì là người đại diện Giáo hội được giáo hội Phật giáo Việt Nam giao quyền sử dụng, quản lý tư viện theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và pháp luật.

- Chùa Long Thiên, K2/3B Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai là một cơ sở tư viện Phật giáo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai trực tiếp quản lý.

Do đó, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đề nghị Ủy ban nhân dân Quận X (cũ), thành phố Hồ Chí Minh có văn bản đến Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai để xác nhận người đại diện Tổ Đình LT nhận số tiền bồi thường trong dự án đầu tư xây dựng Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam và dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất Xí nghiệp cơ khí 2 và xí nghiệp khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ).”

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có Công văn số 1246/UBND-BBT gửi Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai về việc người đại diện của Tổ Đình LT để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đầu tư xây dựng Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam và dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất xí nghiệp cơ khí 2 và xí nghiệp khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ).

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai có Công văn số 225/CV/BTS-PGT về việc xác định người đại diện Tổ Đình LT. Trong đó xác nhận: “Tu sĩ Nguyễn Tiến D, pháp danh Thích Huệ Khai là người đại diện pháp luật hiện nay của Tổ Đình LT. Vì vậy, Tu sĩ Nguyễn Tiến D có đầy đủ tư cách người đứng đầu Tổ Đình LT, đại diện Tổ Đình LT để nhận số tiền bồi thường trong dự án đầu tư xây dựng Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam và dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất Xí nghiệp cơ khí 2 và xí nghiệp khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ), thành phố Hồ Chí Minh”.

Việc đã tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong dự án đầu tư xây dựng Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam và dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất Xí nghiệp cơ khí 2 và xí nghiệp khảo sát 2 tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ) cho ông Nguyễn Tiến D, pháp danh Thích Huệ Khai, là người đại diện pháp luật hiện nay của Tổ Đình LT là đúng trình tự quy định theo Phương án số 03/PAĐB-HĐĐB ngày 28/02/2003 và Phương án, bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đã được Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 40/QĐ-UB ngày 12/02/2014.

Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, đề nghị

Tòa tạo điều kiện về thời gian để Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) và chủ đầu tư là Công ty cổ phần Xi măng V trao đổi lại về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết cho phù hợp.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) ông Huỳnh Vũ Lâm trình bày tại Bản tự khai ngày 14/12/2020 là vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày như trên, đề nghị Tòa án nhân dân Quận X (cũ) bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) phải liên đới trả cho Tổ Đình LT số tiền là 7.144.721.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn An K là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ủy ban nhân dân thành phố T (đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân Quận X) trình bày:

Thống nhất với trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Ủy ban nhân dân thành phố T trước đây, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V tên cũ là Công ty Cổ phần Xi măng V (gọi tắt là Công ty Xi măng V) do ông Lưu Đình Cường là đại diện theo pháp luật trình bày tại Bản ý kiến ghi ngày 04/6/2019 như sau:

Theo Phương án đền bù số 03/PAĐB-HĐĐB ngày 28/02/2003 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) và Quyết định số 5047/QĐ-UB ngày 19/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Phương án số 03/PAĐB-HĐĐB, Công ty Xi măng V sẽ thực hiện phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đền bù, hỗ trợ sau khi có các Quyết định đền bù được phê duyệt. Theo đó, căn cứ:

- Các Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT ngày 10/3/2004 về việc công bố giá trị đền bù của ông (bà) Nguyễn Thành C với giá trị đền bù là 2.586.800.000 đồng và Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT ngày 19/3/2004 về việc công bố giá trị đền bù của Ông (bà) Nguyễn Văn D1 với giá trị đền bù là 2.690.000.000 đồng.

- Mục 4 Phần IX (Tổ chức thực hiện) của Phương án đền bù số 03/PAĐB-HĐĐB có quy định: “Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tranh chấp thì người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành di chuyển, giải phóng mặt bằng và giao đất đúng kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền quy định. Số tiền đền bù, hỗ trợ thiệt hại đã được xác định gửi vào ngân hàng nhà nước theo chế độ tiền gửi tiết kiệm không kì hạn, do chủ đầu tư tạm đứng tên”.

- Văn bản số 148/CV-BBT ngày 30/6/2004 của Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ).

Do Quyết định số: 167/QĐ-UB.BBT ngày 10/3/2004 về việc công bố giá trị đền bù của ông Nguyễn Thành C và Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT ngày 19/3/2004 về việc công bố giá trị đền bù của ông Nguyễn Văn D1 đang còn chờ giải quyết khiếu nại, tranh chấp và theo nội dung thông báo của Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) tại Văn bản số 148/CV-BBT ngày 30/6/2004, xi măng Hà Tiên đã trả tiền đền bù đã xác định theo hai quyết định trên vào Ngân hàng P theo chế độ tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn theo Phương án đền bù số 03/PAĐB-HĐĐB đối với các trường hợp còn tranh chấp, khiếu nại.

Sau khi vụ việc khiếu nại tranh chấp được giải quyết từ Tòa án theo Bản án số 641/2017/HC-PT của Tòa án nhân dân thành phố Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 sửa đổi Quyết định số 256/QĐ-UBND và Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 (02 quyết định này lần lượt sửa đổi các Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT và Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT đã nêu trước đó). Tiếp theo đó, Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) tại văn bản số 391/BBT ngày 20/7/2018 đã yêu cầu Công ty Xi măng V thực hiện việc chuyển tiền đền bù trực tiếp cho Tổ Đình LT.

Công ty Xi măng V đã thu hồi tiền đền bù đã xác định gửi tại Sở giao dịch II – Ngân hàng P và đã hoàn thành việc chuyển tiền đền bù vào ngày 06/12/2018 với tổng số tiền là 7.028.763.025 đồng, trong đó bao gồm: Số tiền bồi thường theo Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT và Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT: 5.276.800.000 đồng + tiền lãi không kỳ hạn: 1.751.963.025 đồng.

Như vậy, Công ty cổ phần Xi măng V đã thực hiện đầy đủ và đúng trách nhiệm của mình theo nội dung của Phương án đền bù số 03/PADB-HĐĐB và các yêu cầu, quyết định của cơ quan có thẩm quyền, do đó Công ty cổ phần Xi măng V không đồng ý với yêu cầu của Tổ Đình LT.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Nhật B, ông Trương Quốc B1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V thống nhất trình bày:

Thống nhất với trình bày nêu trên của đại diện theo pháp luật của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T (Đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X) do bà Lê Thanh S đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thống nhất với trình bày vạy kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Ủy ban nhân dân thành phố T (Đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân Quận X), không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS - ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 244; điểm c khoản 1 Điều 259; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 274; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587; Điều khoản 2 Điều 589; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Tổ Đình LT về

việc buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Xi măng V có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần Xi măng V có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.673.916.485 đồng cho Tổ Đình LT, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Tổ Đình LT về việc buộc bị đơn là Ủy ban nhân dân thành phố T có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Tổ Đình LT về việc buộc bị đơn là Ủy ban nhân dân thành phố T và Công ty Cổ phần Xi măng V có trách nhiệm liên đới bồi thường với số tiền là 157.083.515 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn – Công ty Cổ phần Xi măng V phải chịu án phí 105.478.329 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn – Tổ Đình LT phải chịu án phí 7.854.175 đồng, được trừ vào số tiền 57.572.360 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009520 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho Tổ Đình LT số tiền tạm ứng án phí là 49.718.185 đồng.

Bị đơn – Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/01/2022, bị đơn – Công ty cổ phần V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2009 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền chậm trả theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả và lãi suất, số tiền là 4.838.000.000 đồng. Ngày 25/11/2020, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền chậm trả theo lãi suất bậc thang với số tiền 3.831.000.000 đồng. Như vậy, ngay từ khi khởi kiện nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định nhưng đến khoảng năm 2009, khi Tòa sơ thẩm thu thập chứng cứ, nguyên đơn biết được các văn bản quy định áp dụng lãi suất bậc thang đối với các trường hợp như của nguyên đơn nên nguyên đơn đã xác định yêu cầu cụ thể về lãi

suất. Tại đơn ngày 25/11/2020, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 3.831.000.000 đồng nên Công ty cổ phần Xi măng V cho rằng nguyên đơn đã vượt quá yêu cầu khởi kiện là không đúng. Việc Tòa sơ thẩm phải hoãn phiên toà là vì Công ty cổ phần Xi măng V không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ, điều này được thể hiện tại các biên bản phiên toà. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng và phù hợp quy định nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện bị đơn – Ủy ban nhân dân thành phố T (Ủy ban nhân dân Quận X cũ) trình bày: Ủy ban nhân dân Quận X đã thực hiện đúng và đầy đủ các văn bản và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời thực hiện việc truyền đạt, chỉ đạo các văn bản của cấp trên cho các đơn vị thực hiện dự án kịp thời. Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V (viết tắt là Công ty Xi măng V) trình bày: Thống nhất với trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Công ty Xi măng V là công ty có vốn của nhà nước nên khi thực hiện chi trả phải có căn cứ và đúng pháp luật. Việc nguyên đơn yêu cầu bồi thường theo lãi suất bậc thang nhưng không đưa ra được căn cứ pháp luật mà chỉ tham khảo từ dự án khác là không đúng. Công ty Xi măng V không có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn. Ban bồi thường và Công ty Xi măng V đã có biên bản thanh lý hợp đồng số 02, các bên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thoả thuận 07 và phụ lục hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp xác định Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố T để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V (viết tắt là Công ty V) trình bày: Bản án sơ thẩm đã vi phạm về tố tụng và nội dung nên đã ban hành bản án không khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Xi măng V cụ thể:

Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2009, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền chậm trả theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả và lãi suất. Ngày 25/11/2020, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền chậm trả theo lãi suất bậc thang là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Trong khi yêu cầu này được bổ sung sau phiên toà ngày 16/01/2019, sau khi kết thúc phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải là vi phạm quy định tố tụng theo hướng dẫn tại phần 4 Công văn số 01/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án sơ thẩm đã lách luật là quay trở lại thủ tục công khai chứng cứ và hoà giải để hợp thức việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6134/2021/QĐXXST-DS ngày 14/12/2021 thành phần hội đồng xét xử là thẩm phán Nguyễn Thị Vi Na; các hội thẩm nhân dân là ông Phạm Văn Tâm và bà Trần Thị Ngọc Hoa. Biên bản phiên toà ngày 31/12/2021, xét xử với thành phần hội đồng xét xử được ghi nhận tại quyết định xét xử, phiên toà đã xong phần thủ tục tranh luận, Hội đồng xét xử kéo dài thời gian nghị án đến ngày 06/01/2022. Ngày 06/01/2022, Hội đồng xét xử tuyên bố quay lại phần thủ tục hỏi nhưng do có đương sự vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử quyết

định hoãn phiên toà. Ngày 07/01/2022, Toà án sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-DS, thành phần hội đồng xét xử có sự thay đổi với hai hội thẩm mới là ông Trần Đăng Vạn và bà Phạm Thị Bé. Về hình thức thì phiên toà được thực hiện lại từ đầu nhưng về nội dung thì là tiếp tục của phiên toà ngày 31/12/2021 bởi lẽ, theo biên bản phiên toà ngày 18/01/2022 thể hiện Hội đồng xét xử không hỏi lại toàn bộ nội dung vụ án, không thực hiện phần hỏi đối với nguyên đơn mà chỉ hỏi bị đơn và người liên quan. Như vậy, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì Hội đồng xét xử phải tham gia xét xử liên tục, có sự thay đổi thành phần hội thẩm nhân dân nhưng không thực hiện lại toàn bộ trình tự thủ tục phiên toà.

Về nội dung: Tại Phần IX mục 4 – Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại trong Dự án đầu tư xây dựng trạm tiếp nhận nghiên và phân phối xi măng phía Nam quy định: *“Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tranh chấp thì người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành di chuyển, giải phóng mặt bằng và giao đất đúng kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền quy định. Số tiền đền bù, hỗ trợ thiệt hại đã được xác định gửi vào ngân hàng Nhà nước theo chế độ tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, do chủ đầu tư tạm đứng tên”*. Theo chỉ đạo của Ban bồi thường tại công văn số 148 ngày 30/6/2004. Ngày 16/7/2004, Công ty Xi măng V đã gửi số tiền đền bù vào ngân hàng theo chế độ tiền gửi tiết kiệm là đã thực hiện đúng quy định. Tại thời điểm công ty gửi tiền vào ngân hàng chưa có văn bản hướng dẫn về lãi suất bậc thang và cũng chưa có ngân hàng nào thực hiện. Bản án sơ thẩm căn cứ vào Công văn số 5704 và số 6487 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Công văn số 8108 và số 9025 năm 2007 của Sở Tài chính để xác định số tiền đền bù, hỗ trợ thiệt hại đã được xác định gửi vào ngân hàng Nhà nước theo chế độ tiền gửi lãi suất bậc thang từ đó buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định này là không phù hợp. Các Công văn số 8108 và 9025 được ban hành trái quy định pháp luật vì trái với Quyết định số 106/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố. Đây là văn bản quy phạm pháp luật do đó muốn sửa đổi thay thế nội dung quyết định này phải có văn bản quy phạm pháp luật có giá trị tương đương hoặc cao hơn để sửa đổi thay thế. Do đó, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng cũng như các chủ thể liên quan không phải có nghĩa vụ thực hiện gửi tiết kiệm lãi suất bậc thang theo nội dung tại Công văn số 8108. Sở Tài chính cũng hiểu rõ việc muốn áp dụng lãi suất bậc thang thì Ủy ban thành phố phải ban hành văn bản thay thế Quyết định số 106/2005 nên tại Công văn số 8018 cũng đã nêu rõ sẽ tổng hợp và trình Ủy ban về việc thay thế Quyết định số 106/2005. Ngày 14/3/2007, Ủy ban thành phố mới ban hành Quyết định số 17/2008 quy định về lãi suất bậc thang và bãi bỏ Quyết định số 106. Tuy nhiên, Điều 2 của Quyết định số 17 nêu rõ các dự án đang thực hiện chi trả tiền bồi thường được phê duyệt trước khi quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt mà không áp dụng quy định tại Quyết định số 17/2008. Việc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng gửi tiền bồi thường của dự án cơ khí 2 theo lãi suất bậc thang là không đúng quy định pháp luật nên không thể làm căn cứ để áp dụng cho các trường hợp khác. Công văn số 9025 của Sở Tài chính có đối tượng áp dụng là dự án công ích đầu tư bằng nguồn vốn thuộc ngân sách trong khi đó, dự án trên của Xi măng Hà Tiên là dự án tư nhân đầu tư bằng nguồn vốn doanh nghiệp. Công văn số 8108 và 9025 năm 2007 là công văn lưu

hành nội bộ, Công ty Xi măng V không được biết về các công văn này. Căn cứ khoản 1.2 Điều 1 phụ lục Hợp đồng số 07 ngày 18/12/2003 thì Ban bồi thường là đơn vị có nghĩa vụ chịu trách nhiệm thực hiện việc chi trả và các công việc liên quan đến việc chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi. Bản án sơ thẩm cho rằng ngày 20/4/2006 giữa Ban bồi thường và Công ty Xi măng V ký thanh lý hợp đồng và phụ lục hợp đồng 07 có ghi nhận nội dung: “*Đối với hai hộ dân gửi tiết kiệm do công ty tạm đứng tên thì sau này hộ dân liên hệ để nhận tiền thì bên A phải kết hợp với bên B để tiến hành chi trả cho các hộ dân*” để cho rằng Công ty Xi măng V và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng cùng liên đới trong việc để xảy ra thiệt hại là thiếu khách quan. Nội dung thỏa thuận này phải được hiểu là khi các hộ dân đến nhận tiền đền bù thì Công ty Xi măng V chỉ có nghĩa vụ làm việc với ngân hàng để hỗ trợ Ban Bồi thường chuyển cho các hộ dân nhận tiền. Hơn nữa, biên bản thanh lý hợp đồng số 02 là biên bản nhằm thể hiện các bên đã hoàn thành những hạng mục chứ không phải là thỏa thuận sửa đổi bổ sung phụ lục 07 nên không thể sử dụng nội dung của biên bản thanh lý hợp đồng để sửa đổi nội dung của hợp đồng. Nếu miễn cưỡng cho rằng Công văn số 8108 được áp dụng trong việc xác định về chế độ tiền gửi thì rõ ràng Công ty Xi măng V không có lỗi dẫn đến thiệt hại cho Tổ Đình LT. Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm Ban Bồi thường không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã gửi các công văn của Sở Tài chính cũng như của Ủy ban nhân dân thành phố cho Công ty Xi măng V. Trong giai đoạn thực hiện dự án trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam thì Công ty Xi măng V cũng không thực hiện dự án nào khác áp dụng theo lãi suất bậc thang nên Công ty Xi măng V không thể biết sự tồn tại của các công văn nội bộ giữa các cơ quan ban ngành với nhau. Theo quy định tại chương 21 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và chương 20 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bồi thường trách nhiệm ngoài hợp đồng là phải xác định có lỗi. Công ty Xi măng V không có lỗi cố ý cũng không có lỗi vô ý nên không có trách nhiệm bồi thường.

Tòa sơ thẩm căn cứ vào công văn trả lời của Ngân hàng B chi nhánh 9 để áp dụng lãi suất bậc thang giải quyết vụ án khi không đưa ra được căn cứ áp dụng là không phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ban quản lý dự án cũng xác định vì Ngân hàng B chi nhánh 9 là ngân hàng đầu tiên trên địa bàn Quận X cũ có áp dụng lãi suất bậc thang và có mức lãi suất bậc thang cao nhất tại thời điểm áp dụng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Trong trường hợp áp dụng lãi suất của Ngân hàng B thì phải áp dụng theo thông báo của trụ sở chính của Ngân hàng B nên việc Tòa sơ thẩm căn cứ vào công văn trả lời của Ngân hàng B chi nhánh 9 để áp dụng lãi suất bậc thang giải quyết vụ án là áp dụng chưa đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp xác định Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố T để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (Quận X cũ) trình bày: Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã

nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận X về việc thực hiện các Công văn của Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố. Theo hợp đồng số 07 đã ký với Công ty Xi măng V thì Ban bồi thường là người nhận ủy thác của Công ty Xi măng V. Ban bồi thường đã thực hiện đúng các thỏa thuận tại hợp đồng ủy thác. Trong quá trình thực hiện, Ban bồi thường đã có điện thoại trao đổi với Công ty Xi măng V về việc thực hiện lãi suất bậc thang theo các Công văn của Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố cũng như Ủy ban nhân dân Quận X. Việc Ban bồi thường thực hiện chi trả số tiền bồi thường và lãi suất bậc thang cho nguyên đơn là của dự án khác nhưng cùng thời điểm thực hiện dự án đầu tư xây dựng trạm tiếp nhận nghiền và phân phối xi măng phía Nam. Ban bồi thường và Công ty Xi măng V đã có biên bản thanh lý hợp đồng số 02 và không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thỏa thuận 07 và phụ lục hợp đồng. Việc Ban bồi thường áp dụng lãi suất bậc thang theo lãi suất của Ngân hàng B chi nhánh Quận X vì theo quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, có thể hiện nội dung tại mục 3 như sau: “*Đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án chủ động liên hệ với các Ngân hàng thương mại của Nhà nước trên địa bàn để lựa chọn mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm sao cho có lợi nhất cho người dân*”. Tại thời điểm này trên địa bàn Quận X chỉ có Ngân hàng B Quận X là ngân hàng thương mại của nhà nước áp dụng mức lãi suất bậc thang cao nhất. Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên xử: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 18/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố T ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST. Ngày 24/01/2022 bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2] Về việc thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 01/10/2019, ông Nguyễn Tiến D (Đại đức Thích Huệ Khai) – Chức vụ: Trụ trì là đại diện nguyên đơn có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:



+ Không yêu cầu tính thiệt hại từ ngày 11/3/2004 đến ngày 30/11/2007, chỉ yêu cầu tính thời gian từ ngày 01/12/2007 đến ngày 06/12/2018 là khoảng thời gian các bị đơn chậm trả số tiền 2.586.800.000 đồng nên phải chịu thêm mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và lãi suất chi trả.

+ Không yêu cầu tính thiệt hại từ ngày 19/3/2004 đến ngày 30/11/2007, chỉ yêu cầu tính thời gian từ ngày 01/12/2007 đến ngày 06/12/2018 là khoảng thời gian các bị đơn chậm trả số tiền 2.690.000.000 đồng nên phải chịu thêm mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và lãi suất chi trả.

Số tiền nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn là 4.831.000.000 đồng.

- Ngày 25/11/2020, ông Nguyễn Tiến D (Đại đức Thích Huệ Khai) – Chức vụ: Trụ trì là đại diện nguyên đơn – Tổ Đình LT có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: chỉ yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 3.831.000.000 đồng.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[2.2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại trả số tiền chậm trả theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả và lãi suất chi trả, số tiền là 4.838.000.000 đồng. Ngày 25/11/2020, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền chậm trả theo lãi suất bậc thang. Như vậy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không làm thay đổi, bổ sung quan hệ tranh chấp nên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hơn nữa, nguyên đơn nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đúng theo giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao tại mục 7, Phần IV của Công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017. Việc Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không vi phạm thủ tục tố tụng nên ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V về việc Tòa cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu là không có cơ sở.

[3] Về việc thay đổi Hội thẩm nhân dân tại phiên tòa sơ thẩm:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6134/2021/QĐXXST-DS ngày 14/12/2021, các hội thẩm nhân dân tiến hành tố tụng là ông Phạm Văn Tâm và bà Trần Thị Ngọc Tuyên. Phiên tòa ngày 31/12/2021 được tiến hành với thành phần hội đồng xét xử được ghi nhận tại quyết định xét xử và phiên tòa đã xong phần thủ tục tranh luận, Hội đồng xét xử kéo dài thời gian nghị án đến ngày 06/01/2022. Ngày 06/01/2022, Hội đồng xét xử tuyên bố quay lại phần thủ tục hỏi nhưng do có đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 07/01/2022, Tòa án sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-DS, theo đó, hội thẩm nhân dân tiến hành tố tụng là ông Trần Đăng Vạn và bà Phạm Thị Bé. Căn cứ biên bản phiên toà ngày 18/01/2022 thể hiện Tòa sơ thẩm thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục phiên toà và tranh tụng, có yêu cầu nguyên đơn trình bày nội dung yêu cầu khởi kiện, các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến, các đương sự trong vụ án thực hiện quyền hỏi với nhau, sau đó Hội đồng xét xử đã thực hiện hỏi bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 1 Điều 250 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ hỏi nguyên đơn về những vấn đề mà nguyên đơn trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên việc Hội đồng xét xử không hỏi nguyên đơn không vi phạm thủ tục tố tụng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Công ty V đã trình bày.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V (gọi tắt là Công ty Xi măng V) không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bị đơn bồi thường thiệt hại xảy ra là từ ngày 01/4/2008 đến ngày 06/12/2018 tính theo lãi suất chi trả là lãi suất bậc thang, hết thời gian áp dụng lãi suất bậc thang thì áp dụng lãi suất tiết kiệm năm của Ngân hàng B – Chi nhánh 9 theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

#### [4.1] Về số tiền gốc làm cơ sở tính thiệt hại

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-UB.BBT ngày 10/3/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) về việc công bố giá trị đền bù của hộ ông Nguyễn Thành C, địa chỉ 164 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ) với số tiền 2.586.800.000 đồng; căn cứ Quyết định số 210/QĐ-UB.BBT ngày 19/3/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) về việc công bố giá trị đền bù của hộ ông Nguyễn Văn D1, địa chỉ: 118 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X với số tiền 2.690.000.000 đồng; căn cứ Bản án số 641/2017/HC-PT ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, lời khai của các đương sự thì nguyên đơn là người được hưởng số tiền đền bù là 2.586.800.000 đồng + 2.690.000.000 đồng = 5.276.800.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Phần IX mục 4 – Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại trong Dự án đầu tư xây dựng trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam quy định: “*Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tranh chấp thì người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành di chuyển, giải phóng mặt bằng và giao đất đúng kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền quy định. Số tiền đền bù, hỗ trợ thiệt hại đã được xác định gửi vào ngân hàng Nhà nước theo chế độ tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, do chủ đầu tư tạm đứng tên*”. Công ty cổ phần Xi măng V là chủ đầu tư gửi số tiền 2.586.800.000 đồng và 2.690.000.000 đồng vào 02 tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2 – Phòng giao dịch khách hàng doanh nghiệp. Nguyên đơn xác nhận đã nhận tiền đền bù và tiền lãi từ việc gửi tiết kiệm không kỳ hạn là 7.028.763.025 đồng (trong đó bao gồm:

5.276.800.000 đồng + tiền lãi không kỳ hạn 1.751.963.025 đồng).

Tại thời điểm gửi tiền, Công ty cổ phần Xi măng V gửi số tiền đền bù như trên là phù hợp với phương án đền bù, phù hợp với quy định tại Điều 54 của Quyết định số 106/2005/QĐ-UB ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ngày 04/9/2007 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 5704/UBND-ĐTMT có nội dung chấp nhận theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 8108/STC-BVG ngày 09/8/2007 và Ủy ban nhân dân Quận 7 tại Công văn số 2076/UBND-BBTGPMB ngày 12/7/2007 về việc gửi tiền vào Ngân hàng đối với các hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong các dự án vào Ngân hàng theo loại tiền gửi tiết kiệm bậc thang (theo thời gian gửi). Ngày 07/9/2007, Sở Tài chính ban hành Công văn số 9138/STC-BVG đề nghị Ủy ban nhân dân quận – huyện chỉ đạo Hội đồng Bồi thường của dự án thực hiện theo các công văn nêu trên. Đồng thời, Sở Tài chính có Công văn số 9025/STC-BVG ngày 04/9/2007, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản chỉ đạo việc xác định mức lãi suất tiền gửi đối với các dự án dở dang theo quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, có thể hiện nội dung tại mục 3 như sau: *“Đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án chủ động liên hệ với các Ngân hàng thương mại của Nhà nước trên địa bàn để lựa chọn mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm sao cho có lợi nhất cho người dân”*. Ngày 28/9/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản số 6487/UBND-ĐTMT có nội dung chấp nhận theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 9025/STC-BVG ngày 04/9/2007 về việc giải quyết các dự án đang bồi thường theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính phủ. Nội dung của các công văn không giới hạn áp dụng cho dự án có trước hay sau khi ban hành Nghị định số 197/2004/NĐ-CP mà áp dụng cho các dự án dở dang theo quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, bao gồm cả các dự án công ích đầu tư bằng nguồn vốn thuộc ngân sách và cả các dự án tư nhân đầu tư bằng nguồn vốn doanh nghiệp mà người dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại. Như vậy, phạm vi đối tượng điều chỉnh của Văn bản số 6487/UBND-ĐTMT ngày 28/9/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong đó có cả dự án Trạm tiếp nhận nghiền và phân phối Xi măng phía Nam tại phường Phú Hữu, Quận X (cũ). Tại Điều 56 của Quyết định số 106/2005/QĐ-UB ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định “Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, sở - ngành có liên quan và các chủ đầu tư kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính thành phố tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp” nên Văn bản số 6487/UBNDTP-ĐTMT ngày 28/9/2007 do chính Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành có nội dung sửa đổi bổ sung về việc thực hiện chế độ tiền gửi tiết kiệm theo hướng có lợi cho người dân và phù hợp với tình hình thực tế không phải là văn bản trái pháp luật như ý kiến của Công ty Xi măng V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã nêu ra. Do đó, việc Công ty cổ phần Xi măng V tiếp tục gửi tiền đền bù theo mức lãi suất tiết kiệm không kỳ

hạn là gây thiệt hại cho người dân chưa đồng ý nhận đền bù.

Căn cứ Công văn số 602/BIDV.SGD2-QLRR ngày 08/5/2020 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2 – Phòng giao dịch khách hàng doanh nghiệp, tổng số tiền gồm lãi và gốc của số tiền trên tính đến ngày 06/12/2008 là: 2.958.753.462 đồng + 3.076.792.487 đồng = 6.035.545.949 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 6.035.545.949 đồng là số tiền gốc làm cơ sở tính lãi là có căn cứ.

#### [4.2] Về số tiền thiệt hại

Bị đơn – Ủy ban nhân dân thành phố T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T xác định, đối với tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của các hộ dân do Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) có trách nhiệm chi trả mà chưa đồng ý nhận sẽ được gửi tại Ngân hàng B – Chi nhánh 9, đây là ngân hàng thương mại của Nhà nước có thực hiện việc huy động tiền gửi theo lãi suất tiết kiệm bậc thang cao nhất tại Quận X. Căn cứ Điều 4 về trách nhiệm của các bên trong Hợp đồng ủy thác số 07/HĐ-UB ngày 25/4/2002 giữa Công ty Xi măng V và Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty cổ phần Xi măng V có trách nhiệm thanh toán tiền đền bù cho nhân dân đúng thời hạn theo quy định của Ủy ban nhân dân Quận X. Căn cứ Phụ lục Hợp đồng số 07/PLHĐ-BBT ngày 18/12/2003 thì Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X cũ có trách nhiệm trực tiếp chi trả tiền đền bù thay thế Công ty cổ phần Xi măng V. Như vậy, số tiền chưa chi trả cho các hộ dân trong dự án này sẽ được gửi tại Ngân hàng B – Chi nhánh 9, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biểu lãi suất của Ngân hàng B – Chi nhánh 9 làm cơ sở tính thiệt hại mà không cần thu thập mức lãi suất huy động tại trụ sở chính của Ngân hàng B là phù hợp.

Căn cứ các thông báo lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Việt Nam đồng của Ngân hàng B – Chi nhánh 9, từ ngày 10/3/2008 đến ngày 18/9/2013 Ngân hàng B – Chi nhánh 9 thực hiện huy động lãi suất tiết kiệm bậc thang với các mức lãi suất thay đổi tùy từng thời kỳ và tùy thời gian gửi. Sau thời điểm ngày 18/9/2013 thì Ngân hàng B – Chi nhánh 9 không huy động lãi suất tiết kiệm bậc thang. Căn cứ Công văn số 529/UBND-ĐTMT ngày 12/02/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc mở sổ tiết kiệm tiền gửi cho các hộ dân chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo Điều 51 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND chấp thuận theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 867/STC-BVG ngày 22/01/2009, “*Trường hợp các Ngân hàng không huy động lãi suất tiết kiệm bậc thang thì chuyển sang hình thức tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn*”, từ ngày 19/9/2013 số tiền đền bù và tiền lãi sẽ được chuyển sang hình thức gửi tiền tiết kiệm không kỳ hạn. Căn cứ các quy định về phương pháp tính lãi tại Điều 10 Quyết định số: 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy định phương pháp tính và hoạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng; Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, số tiền lãi gửi lãi suất tiết kiệm bậc thang, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính số tiền lãi đối với số tiền gửi 6.035.545.949 đồng là 4.667.133.561

đồng, tổng tiền gốc và lãi là 10.702.679.510 đồng là đúng.

Như vậy, thiệt hại của nguyên đơn là: 10.702.679.510 đồng - 7.028.763.025 đồng = 3.673.916.485 đồng.

[4.3] Về nguyên nhân gây thiệt hại và người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T xác định đã nhận được các văn bản có bút phê hướng dẫn, chỉ đạo từ Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) và đóng dấu công văn đến của Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X (cũ) về việc về việc gửi tiền vào Ngân hàng đối với các hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong các dự án vào Ngân hàng. Việc Công ty cổ phần Xi măng V và Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X không thực hiện việc gửi tiền được bồi thường của nguyên đơn theo loại tiền gửi tiết kiệm bậc thang (theo thời gian gửi) như các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại vật chất cho nguyên đơn.

Căn cứ Hợp đồng ủy thác về việc kiểm kê, áp giá đền bù giải phóng mặt bằng số 07/HĐ-UB ngày 25/4/2002 giữa Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) và Công ty Xi măng V; Phụ lục Hợp đồng số 07/HĐ-UB về việc kiểm kê, áp giá, đền bù, giải phóng mặt bằng số 07/PLHĐ-BBT ngày 18/12/2003 giữa Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X và Công ty Xi măng V có sự thống nhất của Ủy ban nhân dân Quận X thì Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X thay thế Công ty Xi măng V trực tiếp chi trả tiền đền bù theo đúng hồ sơ Ủy ban nhân dân Quận X lập được cấp thẩm quyền phê duyệt. Như vậy, đối tượng phải đền bù thiệt hại vẫn là Công ty Xi măng V – người được sử dụng đất vào việc thực hiện dự án. Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X không phải đối tượng phải đền bù thiệt hại mà là người thực hiện công việc được Công ty Xi măng V ủy thác.

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng số 02/BBTL-BBT ngày 20/4/2006 giữa Công ty Xi măng V và Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X về việc thống nhất thanh lý Hợp đồng ủy thác số 07/HĐ-UB ngày 25/4/2002 và Phụ lục Hợp đồng số 07/PLHĐ-BBT ngày 18/12/2003 thì “*Trường hợp 02 hộ dân gửi tiết kiệm do công ty tạm đứng tên thì sau này hộ dân đến liên hệ để nhận tiền (sau khi tranh chấp, khiếu nại đã được giải quyết) thì Bên A phải kết hợp với Bên B để tiến hành chi trả tiền cho các hộ dân*”. Như vậy, Công ty cổ phần Xi măng V và Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận X đã có thỏa thuận về việc cùng thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền cho nguyên đơn. Việc Công ty cổ phần Xi măng V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho rằng nội dung thỏa thuận nêu trên phải được hiểu là khi các hộ dân đến nhận tiền đền bù thì Công ty cổ phần Xi măng V chỉ có nghĩa vụ làm việc với ngân hàng để hỗ trợ ban bồi thường chuyển cho các hộ dân nhận tiền là ý kiến chủ quan của Công ty cổ phần Xi măng V, không có cơ sở để chấp nhận.

Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T và Công ty cổ phần Xi măng V xác định không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng ủy thác số 07/HĐ-UB ngày 25/4/2002, Phụ lục Hợp đồng số 07/PLHĐ-

BBT ngày 18/12/2003, Biên bản thanh lý hợp đồng số 02/BBTL-BBT ngày 20/4/2006; các đương sự trong vụ án không có yêu cầu về việc buộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nên căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm bồi thường của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T là đúng.

Ủy ban nhân dân thành phố T đã thực hiện nghĩa vụ của mình khi đã thông báo cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T bằng hình thức gửi các công văn của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc gửi tiền vào Ngân hàng đối với các hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong các dự án vào Ngân hàng, có bút phê hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nên Ủy ban nhân dân thành phố T không có lỗi trong việc gây thiệt hại cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 604 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và hướng dẫn của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố sau đây: Phải có thiệt hại xảy ra, phải có hành vi trái pháp luật, phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật, phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại. Công ty cổ phần Xi măng V có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Ủy ban nhân dân thành phố T không có lỗi trong việc gây thiệt hại cho nguyên đơn nên không chịu trách nhiệm dân sự trong việc bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 228, Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 điều 250, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 604 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần Xi măng V.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty cổ phần Xi măng V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

(ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0026157 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu (T/25)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền**